TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2023/DS-ST.
Ngày: 11-7-2023.
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Hữu Quang.

Ông Võ Tấn Thành.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2023/TLST-DS, ngày 04 tháng 4 năm 2023, về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2023/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 88/2023/QĐST-DS, ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Tống Văn T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số 18/3, ấp B, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 1/6A, khu phố H, thị trấn T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/02/2023).

- *Bị đơn*:

1/ Ông Lâm Văn Tr, sinh năm 1952;

2/ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1956;

Cùng địa chỉ: Số 107/3, ấp B 3, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

(Bà H có mặt; ông Tr và bà S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2023 của nguyên đơn ông Tống Văn T và những lời khai trình tại tòa, bà Nguyễn Thị Kim H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*: Ông Lâm Văn Tr và bà Nguyễn Thị S có đến đại lý của ông Tống Văn T mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản. Hai bên thỏa thuận khi bán

tôm phải thanh toán tiền mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản. Khi mua bán giữa ông T với ông Tr, bà S có mở sổ theo dõi và ký sổ ghi nợ như sau: Ông Tr và bà Sương mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản từ ngày 06/8/2014 đến ngày 24/3/2017, còn nợ ông T số tiền là 110.697.000 đồng. Ngày 02/7/2019, ông Tr và bà S có trả cho ông T số tiền 5.000.000 đồng. Như vậy, ông Tr và bà S còn nợ ông T số tiền 105.697.000 đồng.

Ông T đã nhiều lần yêu cầu ông Tr và bà S trả cho ông T số tiền nợ mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản nhưng ông Tr và bà S cứ hẹn lần hẹn lượt không chịu trả.

Nay ông Tống Văn Tôn yêu cầu ông Lâm Văn Tr và bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền nợ mua thức ăn tôm và thuốc thuỷ sản là 105.697.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần, không yêu cầu tính lãi.

- Ông Lâm Văn Tráng và bà Nguyễn Thị Sương là bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Qua lời khai trình của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông Tống Văn T với ông Lâm Văn Tr và bà Nguyễn Thị S có phát sinh tranh chấp hợp đồng mua bán; việc tranh chấp và thẩm quyền giải quyết được quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết theo quy định.

Ông Lâm Văn Tr và bà Nguyễn Thị S là bị đơn đã được Toà án tống đạt hợp lệ các thông báo, quyết định của Toà án nhưng vắng mặt không lý do. Do đó cần áp dụng các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy qua lời khai trình của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các chứng cứ nguyên đơn xuất trình có căn cứ xác định ông Lâm Văn Tr và bà Nguyễn Thị S có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản, còn thiếu nợ vốn mua bán của ông Tống Văn T số tiền 105.697.000 đồng. Ông T yêu cầu ông Tr, bà S phải liên đới trả số nợ vốn mua bán trên một lần, không yêu cầu tính lãi. Ông Tr, bà S nhiều lần được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo, quyết định giải quyết vụ án của Tòa án nhưng vắng mặt không lý do, đã thể hiện ý chí không hợp tác để giải quyết vụ án của đương sự và tự tước đi quyền chứng minh của các đương sự. Xét yêu cầu thanh toán nợ mua bán của ông Tống Văn T đối với ông Lâm Văn Tr và bà Nguyễn Thị S là phù hợp với quy định tại các Điều 288, 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên được chấp nhận. Cần buộc ông Tr, bà S phải liên đới thanh toán cho ông T số nợ vốn mua bán với số tiền là 105.697.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật. Khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả, do các đương sự không có thỏa thuận lãi suất chậm trả nên tiền lãi được tính theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội (105.697.000 đồng x 5% = 5.284.850 đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 288, 357, 430, 440 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán của ông Tống Văn T đối với ông Lâm Văn Tr và bà Nguyễn Thị S.

Buộc ông Lâm Văn Tr và bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ vốn mua bán cho ông Tống Văn T với số tiền là 105.697.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Lâm Văn Tr và bà Nguyễn Thị S phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 5.284.850 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
-Tòa án tỉnh;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
-Cơ quan thi hành án huyện Châu Thành;
-Các đương sự;
-Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thái